

SỰ ĐA DẠNG TRONG GIỌNG ĐIỀU TRẦN THUẬT CỦA TRUYỆN NGẮN NGUYỄN MINH CHÂU

Đoàn Thị Huệ¹

TÓM TẮT

Nguyễn Minh Châu là một nhà văn có phong cách khá đặc biệt. Quá trình sáng tác của ông không tách rời quá trình trăn trở tìm tòi một hệ thống giọng điệu đa dạng, thích hợp với tác phẩm. Bài viết là một hướng nghiên cứu của tác giả trong việc tìm hiểu các sắc thái đa dạng trong giọng điệu trần thuật của truyện ngắn Nguyễn Minh Châu. Đây cũng là một trong những yếu tố chính góp phần làm nên phong cách trần thuật rất ấn tượng của nhà văn.

Từ khóa: *Truyện ngắn, Nguyễn Minh Châu, giọng điệu trần thuật*

1. Mở đầu

Bàn về giọng điệu trần thuật trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, Tôn Phương Lan đã viết: “Có một giọng điệu trữ tình xuyên suốt nhiều sáng tác của Nguyễn Minh Châu” [1, tr. 161]. Cùng quan tâm đến vấn đề này, Phong Lê nhận định: “Đúng là Nguyễn Minh Châu là người có giọng điệu riêng mà nói đúng hơn anh là người đa giọng điệu” [2, tr. 299].

Có thể nói, một trong những nét đặc sắc của truyện ngắn Nguyễn Minh Châu chính là sự đa dạng ở các sắc thái trong giọng điệu trần thuật. Ứng với mỗi tác phẩm, mỗi vấn đề của truyện, mỗi nhân vật mà tác giả lựa chọn một giọng điệu trần thuật thích hợp. Giọng điệu đó được thể hiện ở điểm nhìn của tác giả, ở mối quan hệ giữa tác giả đối với vấn đề được thuật kể. Đây cũng là phương tiện trực tiếp thể hiện thái độ, cảm xúc của nhà văn đối với cuộc sống. Đọc truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, ở cả hai giai đoạn trước và sau 1975, người đọc không khó để nhận ra hành trình trăn trở tìm tòi một hệ thống giọng điệu trần thuật thích hợp cho tác phẩm của tác giả. Đã có sự góp mặt của bốn sắc điệu trần thuật đậm nét trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu. Đó là giọng tâm

tình, ám áp, thân thương; giọng triết lý, suy ngẫm, phẩm bình; giọng bình thản, bàng quan mà đậm sâu, se sắt; giọng hài hước, dí dỏm, bông đùa. Đó cũng là bốn giọng điệu trần thuật chính góp phần tạo nên một phong cách trần thuật rất ấn tượng của Nguyễn Minh Châu mà trước hết là “cái duyên” kể chuyện của một nhà văn vốn rất nặng nợ với đời.

2. Nội dung

2.1. Truyện ngắn Nguyễn Minh Châu ngọt ngào giọng điệu trữ tình, ám áp, hồn hậu

Ở giai đoạn sáng tác trước 1975, chịu sự chi phối của “khuyh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn cách mạng anh hùng”, truyện ngắn Nguyễn Minh Châu đi về giọng điệu trần thuật trữ tình ám áp, hồn hậu thể hiện ở thái độ trân trọng, niềm tin tưởng và tình cảm yêu thương của tác giả trước vẻ đẹp của quê hương xứ sở, vẻ đẹp của tình người trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh. Đó là chất giọng gắn liền với cảm xúc ngợi ca khi viết về những người lính cao xạ (*Mùa hè năm ấy, Câu chuyện trên trận địa, Những vùng trời khác nhau*), về những nam nữ thanh niên xung phong, những anh cán bộ cách mạng, những cá nhân tích cực yêu nước, giàu tinh thần trách nhiệm, nhiệt

¹Trường Đại học Đồng Nai
Email: doanhuedhcn@yahoo.com

tình trong tăng gia sản xuất, anh dũng trong chiến đấu (*Buổi tập cuối năm, Góc sân, Đất rừng, Chuyện đại đội, Mảnh trăng cuối rừng...*).

Dấu ấn của giọng điệu trần thuật này được thể hiện ở việc tác giả lựa chọn từ ngữ, kiến tạo lời văn, nhịp điệu câu văn thích dụng để diễn tả cảm xúc chân thành của nhân vật. Là cảm xúc sâu lắng yêu thương của người kể chuyện khi anh cảm nhận: “Đêm nằm nghe tiếng suối chảy róc rách, thăm thì nho nhỏ thôi nhưng tôi thấy con suối sao mà gan góc và đáng kiêu hãnh” [3, tr. 5]. Câu văn dài hơn bởi sự xuất hiện của nhiều thanh bằng 15/26 và các từ luyến láy tạo âm hưởng hài hòa “róc rách”, “thăm thì”, “nho nhỏ”, “gan góc”... góp phần tạo nên một giọng văn trữ tình tha thiết, thể hiện được cái đẹp của sự sống bất diệt ẩn mình trong dáng vẻ “gan góc” và “đáng kiêu hãnh” của từng con suối, dòng sông.

Giọng điệu trần thuật mang màu sắc trữ tình nên lời văn trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu thường nhẹ nhàng và tuân thủ theo nhịp điệu của cảm xúc của người kể chuyện. Nguyễn Minh Châu thường dùng dạng câu văn dài, từ ngữ giàu hình ảnh tươi sáng thể hiện sự vận động theo chiều hướng tích cực của mạch truyện, tạo lập một kết thúc có hậu, mở ra niềm tin yêu, chứa chan hy vọng: “Tổ Quốc đang mặc áo giáp tiền Phi ra đi hôm nay. Sông Hồng hiện ra ngay dưới chân, một vùng tiếng động xôn xao trên một cái mặt phẳng tối đen mênh mông lộng lẫy gió. Phà sang bên bờ bên kia sông thì thành phố kéo còi báo động...” (*Mùa hè năm ấy*) [4; tr. 840]. “Tôi ngồi suốt buổi trưa bên gác ngủ của tiểu đội,

thủ phòng đoán những giấc mơ và cuộc đời khác nhau trên các khuôn mặt các chiến sĩ của mình như mới gặp họ lần đầu, trong lòng có muôn cánh bướm đập nhẹ nhàng mà nao nức” (*Sau một buổi tập*) [5, tr. 542]. “Trước nòng pháo của Doãn là những cùn cát trắng tinh tưởng đi không bao giờ hết. Khi trời sáng hẳn, người pháo thủ chính thức đưa mắt lên quan sát bầu trời, mà sao bầu trời cũng xanh một màu xanh của vịnh biển?” (*Câu chuyện trên trận địa*) [5, tr. 783].

Hình thức câu văn dài, nhịp điệu dàn trải, dấu chấm hỏi kết thúc câu đã phát huy tác dụng trong việc diễn tả tình cảm dạt dào tha thiết của người kể chuyện. Là tình yêu thương, lòng tự hào khi hướng đến vẻ đẹp hùng vĩ của cảnh sắc quê hương, đến vẻ đẹp của tình quân dân trong lao động và chiến đấu; là tâm thế ngợi ca và ngưỡng vọng khi hướng đến cuộc kháng chiến của toàn dân, có thể nói nguồn cảm hứng chủ đạo ấy đã có những ảnh hưởng trực tiếp, chi phối sự hình thành và xuất hiện gần như xuyên suốt của giọng điệu trần thuật này trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, đặc biệt ở giai đoạn trước 1975.

Sau 1975, giọng điệu trần thuật trong truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu có nhiều thay đổi. Nhưng vốn được bắt nguồn từ niềm cảm xúc chân thành của tác giả đối với đất nước, con người nên chất giọng trữ tình ám áp vẫn tiếp tục trở về trong nhiều đoạn mạch miêu tả cảnh sắc thiên nhiên giàu tính biểu cảm, gắn liền với cảm xúc nhiều dư vị, dư vang của người kể chuyện.

Cỏ lau đòi hoang xanh biếc mơn mớn với những bông hoa như giát bạc vào nền trời mưa giông khiến cho “Chung quanh họ, những quả đồi mọc đầy thanh hao cần

cổibồng nhuộm một màu huyền bí và lòng cả hai trở nên phập phồng trong một không gian cũng đang phập phồng...” (*Con giông*) [3, tr. 231]. Có lúc chất giọng trữ tình này lại chan hòa trong bức tranh thiên nhiên giàu cảm xúc: “Thế rồi trong một đêm đông sáng trăng, cái vùng trăng khuyết rồi lại đầy...”, “Trăng sáng quá. Thứ ánh sáng vừa băng quơ lạnh lẽo, vừa lai láng tràn đầy đến mức làm náo cả lòng người” (*Một lần đối chứng*) [3, tr. 356-357].

Ở *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, chất giọng trữ tình thấm trong mạch suy tưởng của người kể chuyện về một chuyến tàu tốc hành sẽ đưa Quý trở lại với cuộc sống hôm nay: “Mỗi lá cỏ như thăm thì nhắc nhở về một mối tình sâu nặng, đẹp đẽ đã qua và lần này mặt đất lặng lẽ trao trả lại vào bàn tay chị trái tim hồng hào của chị. Chị bước lên con tàu sau khi cúi hôn lên một cái nắm đất một lần cuối cùng và đoàn tàu đang hỏnhỏ băng mình lao vun vút đi giữa sông hồ, làng mạc, giữa hơi thở nóng hổi của cuộc đời, đem chị ra khỏi cánh rừng thiêng liêng để trao trả lại cho cuộc đời hiện tại” [3, tr. 202]. Hình thức câu văn dài, nhịp điệu câu văn dàn trải cùng sự xuất hiện nhiều tính từ, nhất là những từ biểu lộ sắc thái tình cảm “sâu nặng”, “đẹp đẽ”, “thiên liêng”... tạo nên giọng điệu trữ tình quen thuộc như sợi dây xuyên chuỗi các sự kiện giữa quá khứ, hiện tại và tương lai, nối liền hai bờ thực tại và mơ tưởng trong dòng cảm xúc của người kể chuyện, để từ đó cùng đi sâu vào quá trình khám phá thế giới nội tâm vừa đắm chìm vừa xôn xang trong dòng suy tưởng nhân vật, cũng là thế giới đầy ba động trong cảm thức của con người.

Ở một trường hợp khác, trong thiên truyện cuối cùng của nhà văn - *Phiên chợ Giát*, người đọc cũng cảm nhận được chất giọng trữ tình ám áp này luôn sâu trong cảm thức mơ hồ của nhân vật: “Lão nhớ lại cánh rừng ở trong giấc mơ với tàu lá xanh thẫm, cây lim lẫn thông già mọc trên vách đá, những con bò đã đi đứng trên vĩa núi đá đầy cheo leo hoặc bình yên gặm cỏ giữa những khoảng rừng bằng ngập đầy nắng. Trong đàn bò kia đã từng có mặt lão, cái dáng dấp thông dong và thư thái nhất trần đời của lão” [3, tr. 607]. Đoạn văn được cấu tạo bởi hai câu phức hợp đầy gợi cảm. Nó dựng được cả không gian rộng lớn với “cánh rừng” và “vách đá” và gợi tả được tâm trạng mơ hồ, vô định của lão Khúng khi một mình lọt thỏm giữa vùng không gian bao la. Tâm trạng ấy lan tỏa theo phức điệu thời gian, qua không gian để cuối cùng dừng lại ở giấc mơ hóa thân đầy hãi hùng của lão “trong đàn bò kia đã từng có mặt lão”.

Có thể nói, giọng điệu trữ tình ám áp hờn hậu đã là một giọng điệu quen thuộc có mặt trong hầu hết các truyện ngắn Nguyễn Minh Châu. Với giọng điệu trần thuật này, Nguyễn Minh Châu đã kiến tạo nên những trang văn dạt dào cảm xúc. Đó là những cảm xúc rất thật được bắt nguồn từ tấm lòng nhân ái rất mực yêu thương con người và cuộc đời của nhà văn.

2.2. *Truyện ngắn Nguyễn Minh Châu thâm trầm, khắc khoải giọng điệu triết lý, phẩm bình*

Đặt trong bản hợp xướng anh hùng ca của văn học Việt Nam thời chống Mỹ cứu nước thì tinh thần trần trụi, muồn cắt nghĩa và lý giải là một nét rất riêng trong truyện ngắn Nguyễn Minh

Châu. Điều đó được thể hiện trong giọng điệu triết lý, suy ngẫm, phẩm bình vừa thâm trầm lại vừa khắc khoải, khi nghiêm khắc trong tiếng nói cảnh tỉnh lên án lúc lại nhẹ nhàng trong lời bộc bạch riêng tư.

Ở *Nhành mai*, người đọc nhận ra giọng điệu triết lý, suy tư này trong mạch cảm xúc chợt đến khi “tôi” nghĩ về con suối không tên xuôi hướng chảy về Tây Bắc: “Con sông nào mà chẳng có nguồn suối nhỏ đầu tiên” [3, tr. 6]. Trong cuộc đời cũng vậy, có bao điều to tát, vĩ đại mà không bắt nguồn từ những điều rất giản dị, bình thường. Cũng như cuộc chiến vệ quốc vĩ đại mà dân tộc ta đang tiến hành, sẽ không là gì cả nếu sự ra đi của người chiến sĩ không vì để bảo vệ những cái rất quen thuộc thân tình: giếng nước, gốc đa, giấc ngủ trẻ thơ, nụ cười hạnh phúc trên môi bà mẹ... Ở *Những vùng trời khác nhau*, chất giọng triết lý ấy ẩn trong mạch suy ngẫm của người kể chuyện về giới hạn của hai từ “hạnh phúc”: “Hạnh phúc người ta trên đời chẳng biết đâu là cùng” [3, tr. 45].

Đó là sự suy ngẫm đầy nghiêm túc về vấn đề hạnh phúc mà từ rất sớm Nguyễn Minh Châu đã trăn trở và về sau nhắc lại trong *Bến quê*, *Chiếc thuyền ngoài xa*, *Cỏ lau*... tạo thành giọng điệu chủ âm trong mảng sáng tác thuộc thể loại truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu những năm sau 1975.

Bên cạnh nhiều vấn đề cần nhận thức lại, nhất là tình trạng xuống cấp về nhân cách, phẩm giá đạo đức cùng tội ác nảy sinh ở một bộ phận người đã bị chiến tranh làm cho hư đi, nhà văn nhìn thấy ở đó có sự phản bội đốn hèn (Quang – *Cơn giông*), sự thờ ơ thất hứa

có thể vô tình dẫn đến tội lỗi (người họa sĩ – *Bức tranh*), sự bất nhẫn đầy hãnh tiến và xơ cứng tình người (Toàn – *Mùa trái cóc ở miền Nam*)... Nỗi đau trước hiện thực mới đó thêm lần nữa trĩu nặng trên từng trang viết, khắc khoải trong từng con chữ của Nguyễn Minh Châu.

Ở *Dấu vết nghề nghiệp*, chất giọng triết lý ẩn sâu trong “cái sự nghiệt ngã và tình người trong bóng đá” [3, tr. 319]. Một đời bất bóng, một đời được vinh danh trên sân cỏ, người thủ thành ấy, trong những giây phút còn lại hiếm hoi của cuộc đời đã nghiệm ra rằng: “Con người ta thường xuyên không hoàn hảo nhưng có những khoảnh khắc hoàn hảo” [3, tr. 315]. Hay ở *Bến quê*, chất giọng triết lý được thể hiện đậm sâu trong niềm thao thức của Nhĩ về một bến đỗ bình an và hạnh phúc của đời người. Nhĩ không phủ nhận tất cả những gì anh đã đi qua và cống hiến nhưng cũng luôn u hoài, pha lẫn nuối tiếc, xót xa khi chợt nhận ra những giá trị tinh thần đích thực trong những điều giản dị, bình thường. Qua mỗi phút giây bừng ngộ của nhân vật, giọng điệu trần thuật lại trầm xuống với nỗi niềm khắc khoải. Nhĩ đã từng đi khắp nơi nhưng anh chưa từng đặt chân đến bãi bồi bên kia sông Hồng mà nay đối với anh đó đã là một điều không thể. Nhĩ đã có gia đình bao nhiêu năm nhưng nay chợt nhận ra một điều rất lạ: “Lần đầu tiên Nhĩ để ý thấy Liên mặc tấm áo vá” [3, tr. 322]. Là một phát hiện lại nhưng cảm xúc vẫn tươi nguyên trong tâm tình của người chồng, người cha thấy hết được ý nghĩa của hai tiếng gia đình: “Nhĩ đã tìm thấy nơi nương tựa trong những ngày này” [3, tr. 326].

Đến *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, chất giọng triết lý thâm trầm trong mạch trần thuật đậm chất suy tư của Quy sau mỗi chuyến tàu tốc hành dằng dặc quanh co và phức tạp của đời người: “Đến bây giờ tôi mới hiểu được trong tất cả mọi sự mất mát, thì mất một con người là không có gì bù đắp được, không sao lấy lại được” [3, tr. 160]. Tính triết lý trong câu nói không dừng lại ở khái niệm giản đơn về sự sống và cái chết theo ý nghĩa sinh học mà nó còn có khả năng vượt lên một tầng ý nghĩa khác mang tầm khái quát hơn. Chiến tranh không chỉ đơn giản là “máu và hoa” mà chiến tranh còn là điều nghịch lý muôn đời khó giải. Chúng ta bước vào cuộc chiến vì muốn bảo vệ cuộc sống hạnh phúc của con người nhưng chính cuộc kháng chiến đó đã cướp mất đi của chúng ta bao nhiêu con người quý giá.

Ở chỗ khác, chất giọng triết lý ấy lặng trong giây phút bùng nổ của Quy: “Tôi ngạc nhiên đến sững sờ trước sức tưởng tượng kỳ diệu của người thợ chạm gỗ, bất chợt trong giây phút đã mách bảo cho tôi thấy trí tuệ và niềm mơ ước của nhân dân là không bao giờ mất được, là bất tử” [3, tr. 163-164]. Đó là sự thấu hiểu với niềm ngưỡng vọng của tác giả về sự sống bất diệt của “trí tuệ và niềm mơ ước của nhân dân”. Giữa muôn vàn điều rất thật của cuộc đời có thể bị chiến tranh phá hủy, kể cả sinh mệnh con người là cái quý giá nhất, thì chỉ có “trí tuệ và niềm mơ ước của nhân dân” là điều không bao giờ mất. Như thế, cái mất mát, đau thương chỉ tồn tại như phong nền để từ đó sự tin yêu và lòng

ngưỡng vọng của con người cất lên những giai điệu đẹp đẽ nhất.

Sau *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, giọng điệu triết lý này tiếp tục được gặp lại ở *Cỏ lau*, *Chiếc thuyền ngoài xa*, *Phiên chợ Giát*... hình thành nên chuỗi nhận định, cắt nghĩa và lý giải của nhà văn về bao vấn đề hiện tồn trong cuộc sống.

Ở *Cỏ lau*, thật ý vị trong lời nhận định của một lão nông về “người đàn bà”: “Đàn bà cũng là đất. Phàm cái gì thấm nước, phải có nước mới sống được đều thuộc về thổ mộc hết (...). Đàn bà phải chứa đầy nước mắt trong người mới là đàn bà” [3, tr. 507]. Trong suy nghĩ của người nông dân, cuộc sống con người không tách rời đất và nước. Đàn bà cũng như đất, đàn bà lại chứa đầy nước. Vai trò quan trọng của người đàn bà đối với cuộc sống con người được cảm nhận thật hồn hậu và tự nhiên trong cách suy nghĩ của người nông dân chân chất. Không chỉ triết lý về hòn đất, người nông dân ấy còn triết lý cả về cách tạo ra con người và nhu cầu cần có con người là cấp thiết như thế nào khi muốn biến mảnh đất rừng thành hòn đất thuộc “Cái kho người nằm trong bụng vợ chứ ở đâu xa? (...) Không có thật đồng người làm sao dọn hết đá? Mà làm ra con người thì khó đéch gì?” [3, tr. 380-381]. Ở đây giọng điệu triết lý thẳng thắn, tron tuột, giản đơn trong cách nói, cách nghĩ của lão Khúng. Người đọc có thể mỉm cười trước những lời phát biểu “thẳng như ruột ngựa” và không kém phần ngây ngô, buồn cười ấy nhưng có ai dám bảo rằng lão Khúng nói sai.

Tuy nhiên giọng điệu triết lý với âm điệu bồi bã, hồn nhiên này không xuất hiện nhiều trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu. Nổi bật ở đây là giọng điệu triết lý, suy ngẫm, phẩm bình trong âm điệu trầm buồn, khắc khoải, tha thiết và lắng sâu. Xuất hiện khắp trang truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, chất giọng này thêm một lần giúp người đọc có những cảm nhận sâu sắc, thấm thía về nhiều điều còn bộn bề, phức tạp trong cuộc sống hôm nay. Đây cũng là nhân tố chính để độc giả hiểu hơn về nhà văn.

2.3. *Truyện ngắn Nguyễn Minh Châu với giọng điệu bình thản nhưng chất chứa bao điều sâu sắc*

Ở truyện ngắn, giọng điệu bình thản được hiểu là một biểu hiện tiêu biểu cho ý thức cách tân về tư duy nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu. Giọng điệu này xuất hiện không nhiều, chủ yếu tập trung ở mảng sáng tác thuộc đề tài đời tư thể sự, như *Mẹ con chị Hằng*, *Đứa ăn cắp*, *Lũ trẻ ở dãy K...*

Mẹ con chị Hằng, *Lũ trẻ ở dãy K* là những câu chuyện đời thường giản dị được trần thuật lại từ người kể chuyện ngôi thứ ba. Là người quan sát, dẫn dắt và kể lại, bình thản trong giọng điệu trần thuật, người kể rất ít đưa ra những lời bình giá, nhận xét về nhân vật, sự kiện, tình tiết trong câu chuyện. Ngoài lời thoại trực tiếp của nhân vật, lời văn trần thuật trong tác phẩm chủ yếu là lời gián tiếp một giọng với chức năng miêu tả và thuật kể: “Thế là bà cụ Huân đã ra ở với chị Hằng được mười hôm. Chị vẫn đi làm. Trong khi chờ con gái sinh nở, bà cụ ở nhà với thằng Hùng, trông nom cháu. Thằng bé lên ba tuổi rồi” [3, tr. 237]. “Vậy là dần dần y như lần

trước bà cụ Huân ra để giúp đỡ hồi chị sinh thằng Hùng, lần này chị Hằng lại sinh ra hay to tiếng, hay cau có với bà cụ” (*Mẹ con chị Hằng*) [3, tr. 246]. Cùng với người kể chuyện ngôi ba mang điểm nhìn ngoại quan, giọng điệu trần thuật này đã góp phần gia tăng tính khách quan cho câu chuyện. Độc giả trực tiếp quyết định thái độ của mình đối với nhân vật và sự kiện.

Đến với *Lũ trẻ ở dãy K*, người kể chuyện từ tốn kể ra một câu chuyện đời thường xoay quanh cuộc sống vốn không có gì đặc biệt của nhiều thế hệ người trong một khu tập thể. Ở đó có cô Hoàng. Cô Hoàng là người miền Nam, rất hồn nhiên, vô tư và mới dọn đến ở khu này: “Cô Hoàng là người miền Nam đã vào trạc xấp xỉ năm mươi, rất thích ăn mặc và hay khoe. Nhà ở cùng dãy, hai vợ chồng đi làm suốt ngày” (*Lũ trẻ ở dãy K*) [3, tr. 288].

Theo đó, câu chuyện về cô Hoàng, một phụ nữ miền Nam vừa mới dọn đến dãy K, cùng những thói quen trong sinh hoạt hằng ngày của cô và những người trong khu tập thể, việc cô gây náo động cả khu tập thể vì tính đĩnh đoảng của mình, cả việc mọi người càng yêu quý cô hơn vì việc cô đứng ra bảo lãnh cho thằng Huân về với gia đình... cứ tuần tự diễn ra một cách tự nhiên trong mạch trần thuật vô tư của người kể chuyện. Không đả kích, phê phán, cũng như không hô hào hay lên tiếng khẳng định điều gì, vẫn giọng điệu trần thuật bình thản, người kể chuyện kể việc, nêu vấn đề cùng diễn tiến của sự việc. Phần còn lại của độc giả. Độc giả tiếp nhận câu chuyện, bình giá sự kiện, tự chọn cho mình một

cách sống thích hợp. Bài học nhân thế trở nên nhẹ nhàng, bình dị và tự nhiên hơn trong sự tiếp nhận của bạn đọc.

Cùng với đó, *Đứa ăn cắp* là một tác phẩm khác được dẫn ra trên cái nền chung là giọng trần thuật cố gắng khách quan của tác giả, góp phần tạo nên bộ ba tác phẩm liên hoàn bàn về tính vô tâm, vô tư của con người (đặc biệt là những người đàn bà trong khu tập thể). Chỉ là một thói quen hồn nhiên của con người, chỉ là sự nghi kỵ thường thấy ở những người đàn bà trong khu tập thể, cốt truyện hầu như không có biến cố gì nổi bật, kể cả cái chết của một con người. “Tôi” điềm nhiên chứng kiến tất cả, lướt qua từng gương mặt với từng thái độ ứng xử cụ thể của mỗi người trong khu tập thể và kể lại: “Lòng thương cảm của những người đàn bà mỗi lúc mỗi dạt, mỗi lúc một nhân lên mãi mãi, cũng y như ngày xưa, chỉ trước đây hơn một tháng, cũng vẫn những người đàn bà ấy, chị áo bông, chị áo len xanh, chị xách xô nước... đã từng kêu lên những lời căm phẫn: “tại sao không tống cổ nó đi ngay! Tại sao ông Quân không giải quyết cho con Thoan về nhà quê ngay, mà cứ để cho nó nán lại đây thêm một ngày, một giờ làm cái gì, hở?” [3, tr. 252], và “Những người đàn bà trong khu gia đình lấy làm khổ sở, như phải chịu đựng một thứ tai họa, việc con Thoan vẫn còn được ở lại, vẫn còn được nán nã trong khu gia đình (...). Những người đàn bà lại kêu lên” [3, tr. 254].

Tính chủ quan vốn có của người kể chuyện ngôi thứ nhất không được phát huy. Giọng điệu trần thuật bình thản đã giấu đi thái độ của người kể chuyện, góp phần làm cho câu chuyện vốn đã

bình dị lại càng bình dị như vẫn có ngoài đời. Tính hư cấu nghệ thuật trong câu chuyện được giảm thiểu, khoảng cách giữa độc giả và câu chuyện được rút ngắn. Bình thản trong giọng điệu trần thuật nhưng không có nghĩa là người kể chuyện hoàn toàn dửng dưng vô cảm trước những con người trong *Mẹ con chị Hằng, Lũ trẻ ở dãy K, Đứa ăn cắp*. Họ vốn không là người xấu, độc ác. Nhưng do nông cạn và vô tâm họ đã vội vàng hành động mà không hề nghĩ đến những hệ lụy sau đó. Như vậy, nếu như giọng triết lý, suy ngẫm phẩm bình tỏ ra phù hợp với kiểu nhân vật suy tư, sám hối, luôn băn khoăn trăn trở về sự hay dở, đúng sai của đời mình thì ở đây, giọng điệu bình thản, tự nhiên cũng đã rất phù hợp với hệ thống nhân vật là những con người bình thường, có cách sống hồn nhiên ngây thơ và tin vững chắc vào cách sống của người (chị Hằng, cô Hoàng, những người đàn bà trong khu tập thể). Dư luận xã hội và thậm chí lương tâm có thể bỏ qua cho họ vì cho rằng đó là chuyện nhỏ nhặt không đáng quan tâm. Nhưng người nghe, với tư cách là người sống có trách nhiệm và công tâm, sẽ phải quan sát, lắng nghe thật tỉ mỉ để nhận thức sâu sắc tính chất bi hài, đau xót của thói tục trong con người họ.

Vô tư chứng kiến, vô tư kể chuyện nhưng nghiêm khắc và sắc sảo trong cách nhìn, Nguyễn Minh Châu đã thông qua câu chuyện kể của mình, thông qua nhân vật đời tư thế sự, mượn giọng điệu trần thuật bình thản làm chất xúc tác để lật giở hai mặt phải trái của cuộc đời, để mọi người kể cả những người vô tâm và thờ ơ nhất cũng phải bàng hoàng nhận

ra hậu quả nặng nề và dai dẳng của thói tục đời thường, tự soát xét và tìm ra cho mình một hướng đi đúng với một lẽ đời tích cực.

2.4. Truyện ngắn Nguyễn Minh Châu hài hước, dí dỏm với giọng điệu trần thuật nhiều kịch tính

Quan tâm đến việc phản ánh một phương diện khác của hiện thực, phát hiện ra những bất ổn trong cách nghĩ, cách sống của một bộ phận con người Việt Nam giai đoạn sau 1975, truyện ngắn Nguyễn Minh Châu bấy giờ cũng đa dạng hơn với giọng điệu trần thuật hài hước, dí dỏm mang nhiều kịch tính. Nó xuất hiện trong một vài đoạn mạch trần thuật, trong dòng suy nghĩ của nhân vật: “Lúc tỉnh dậy, anh chỉ thấy cái bờ đất của con đường tàu bỏ hoang, kéo dài một vệt sau lưng. Anh chỉ kịp nghĩ “Nếu bây giờ muốn bắn anh, chúng phải sử dụng hỏa lực cầu vồng chứ súng bắn thẳng chẳng làm gì được nữa” (*Con giông*) [3, tr. 229]. Ở đây, giọng điệu hài hước được đặt trong lời độc thoại nội tâm của Thăng khi anh vừa tỉnh dậy sau cơn mưa đạn rượt đuổi điên cuồng của kẻ thù. Trong tình huống “thập tử nhất sinh”, Thăng còn hài hước như vậy. Đó là cách thể hiện linh hoạt của nhà văn về tinh thần thép của người chiến sĩ cách mạng.

Ở *Phiên chợ Giát*, giọng điệu trần thuật hài hước nhập vào dòng suy nghĩ mơ hồ mà chất phát, ngây thơ của lão Khúng: “VẬY mà khổ chưa kia, không biết cơ man nào là sao, có ít ỏi đâu, các chú vị đang thi nhau nháp nháy, đang toát mồ hôi hột ra để rặn ra thứ ánh sáng như đàn bà rặn đẻ” [3, tr. 594]. Giọng điệu trần thuật này phù hợp với tính cách bỗ bã, quen nghĩ gì nói đó của

lão Khúng. Đây đích thực là một lão nông chân chất, chỉ quen bầu bạn với đất, đá với nắng và gió của xứ miền Trung. Ngay trong giọng điệu hài hước, hóm hỉnh ấy, tính vô thần ở con người lão Khúng cũng được thể hiện.

Xuất phát từ việc phát hiện mâu thuẫn bên ngoài của sự vật, hiện tượng, giọng điệu trần thuật hài hước còn góp phần tạo nên tiếng cười thoải mái, nhẹ nhàng cho câu chuyện kể, đưa vấn đề của truyện đến gần hơn với sự tiếp nhận của người học. Người đọc có thể bắt gặp tiếng cười này ở *Hương và Phai*, một trong những sáng tác thuộc mảng đề tài thế sự của nhà văn. Ngay từ đầu câu chuyện, cái hóm hỉnh, hài hước trong giọng điệu trần thuật đã được thể hiện qua những dòng trữ tình ngoại đề: “Nói cho thật khách quan và công bằng, anh Định và chị Phấn của chúng nó sắp trở thành vợ chồng như sắp tới đây, té ra là do sự sắp đặt của chúng nó, hai đứa trẻ nhỏ này, chứ cũng chẳng phải ông tơ, bà nguyệt nào sắp ráo!” [3, tr. 274].

Đôi khi, giọng điệu trần thuật này thể hiện rõ ở lời nói và ngữ điệu của hai đứa trẻ nhóc khi chúng cùng bàn bạc chuyện trọng đại của đời người: “VẬY là chúng nó sang bàn với nhau: Phải làm sao đưa được chị Phấn sang bên nhà cái Hương, để chị Phấn biết nhà cửa và mặt mũi anh Định cái đã” [3, tr. 275] hay khi đưa ra lý do chính đáng cho xu hướng chọn sách của chúng: “Không bao giờ chúng thèm đọc những cuốn sách người ta cố ý viết cho trẻ con bởi đọc những cuốn ấy chúng thấy gần như bị người lớn nhại, thật khó chịu!” [3, tr. 277]. Từ đó, tác giả tái hiện trước mắt người đọc đã tái hiện sinh động thế giới trẻ con tinh nghịch, dí dỏm và thật đáng

yêu, Đôi lúc, từ cách nghĩ và cách nói thành thật của con trẻ mà người lớn chúng ta lại trở thành đối tượng gây cười cho chính mình.

Nhìn sự vật, hiện tượng từ cái buồn cười, sử dụng giọng điệu trần thuật hài hước, hóm hỉnh, Nguyễn Minh Châu đã tạo nên không khí vui nhộn, đem lại cho độc giả nụ cười nhẹ nhàng, vô thưởng, vô phạt. Điều này cũng thật phù hợp với tâm chân tình nhẹ nhàng và dịu dàng của tác giả khi viết về những con người chân chất, hiền lành.

Bên cạnh đó, tiếng cười trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu cũng gắn với những thói hư tật xấu của con người. Đó là chất giọng hài hước mang phong vị trào tếu, hoạt kê, đả kích, phê phán. Đọc *Mùa trái cóc ở miền Nam*, người đọc cảm nhận được bao điều phải nghĩ về một sự thật bất thường đang diễn ra trước mắt. Thời bình mà thủ trưởng và ký giả muốn ghé thăm một doanh trại lại khó khăn đến mức: “Lối ra vào cổng cả lối cho xe ra vào ở giữa cũng như lối hai bên đã bị bịt kín bằng những chiếc cựa mã làm bằng những cuộn dây thép gai, y như một bày nhím khổng lồ đang giương lông lên trước mũi xe chúng tôi” [3, tr. 526] trong khi “thời thẳng Mỹ ngày xưa, cái cổng này ban ngày vẫn mở” [3, tr. 526].

Khác với tiếng cười vỗ mặt sâu cay thường thấy trong sáng tác của Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, tiếng cười ở đây tuy mang màu sắc châm biếm, phê phán nhưng còn nhẹ nhàng, hướng đến sự nhận thức và mang tính xây dựng hơn là sự thù địch, đả kích. Kết hợp với giọng triết lý, suy ngẫm, phẩm bình – giọng chủ âm trong câu chuyện kể, giọng điệu trần thuật này

góp phần làm sáng tỏ thêm nội dung tư tưởng của tác phẩm, tạo nên một cách hiểu tập trung và sâu sắc hơn ở phía người tiếp nhận.

Ở *Sấm vai*, giọng điệu trần thuật này nổi lên như một âm chủ chi phối mạch trần thuật: “Từ ngày rập tâm tập tễnh thử viết một cái truyện ngắn đầu tiên...” [3, tr. 258] đến khi quan sát thấy người ở đối diện nhà mình với những thói quen trong sinh hoạt đã thành công thức: “Ví dụ, vào khoảng sáu giờ sáng hoặc trễ hơn mấy phút, ngay trên đầu anh ở tầng ba, có một ông đầu hói bóng không còn một sợi tóc nào, vậy mà đến cái giờ đó, cũng cầm một cái lược chải lật những sợi tóc tưởng tượng từ đằng trước trán ra sau gáy, bàn tay cầm lược chải đến đâu thì bàn tay kia miết tóc đến đấy, như sợ có một sợi tóc buồng binh không chịu ộp sát vào bộ tóc” [3, tr. 259].

Có thể nói, dù xuất hiện không nhiều nhưng giọng điệu trần thuật này đã có một vai trò không nhỏ trong việc góp phần hình thành nên một phong cách trần thuật Nguyễn Minh Châu phong phú, đa dạng và đặc sắc. Hướng đến nhiều đối tượng gây cười khác nhau nhưng nhìn chung tiếng cười trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu thường có giá trị mua vui, nhận thức, xây dựng hơn là châm biếm, đả kích và phê phán. Ứng với tạng văn Nguyễn Minh Châu thì ẩn trong chất giọng hài hước mang tính kịch này, phía sau nụ cười thường vẫn là bao điều suy ngẫm về cái sự thật rồi nó sẽ vào tận ngõ mỗi nhà.

3. Kết luận

Trước 1975, chịu ảnh hưởng của khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn cách mạng anh hùng, truyện ngắn

Nguyễn Minh Châu luôn ấn tượng người đọc ở giọng điệu trữ tình ám áp, hồn hậu thiên về khẳng định, ngợi ca là chính. Sau 1975, chiến tranh đi qua, văn học Việt Nam cũng dần thay đổi. Khi đó, giọng điệu triết lý, suy ngẫm, phẩm bình được xem là dấu hiệu của sự kết tinh, lắng lọc những cảm xúc, trải nghiệm của tác giả về bao điều thật nhất giữa cuộc sống đời thường. Đi qua chiến tranh, số phận con người chịu nhiều thay đổi giữa hai điều bình ổn và bất ổn. Cái bình ổn tiếp tục trở lại trên trang viết Nguyễn Minh Châu với niềm xúc cảm chân thành, tin yêu và ngưỡng vọng thì cái bất ổn lại thức dậy trong câu chuyện kể của tác giả với niềm băn khoăn, trăn trở khôn nguôi về tình người, tình đời và một lẽ sống tích cực.

Niềm trăn trở, băn khoăn đó, bên cạnh việc được thể hiện cụ thể, trực tiếp trong sự khắc khoải, đau đáu của giọng điệu trần thuật đậm tính triết lý, suy ngẫm, phẩm bình thì nó còn được thể hiện một cách gián tiếp và xuất hiện tương đối nhiều trong giọng điệu trần thuật bình thản nhẹ nhàng nhưng chất chứa bao điều sâu sắc. Với giọng điệu trần thuật này, tác giả đã cố ý tạo lập nên quyền bình đẳng giữa hình tượng tác giả trong tác phẩm với nhân vật và độc giả. Nhân vật tự thể hiện mình qua

lời nói, cử chỉ, việc làm, từ đó trở thành đối tượng để người đọc phân tích, tìm hiểu và đánh giá trong sự quy chiếu của những chuẩn mực về giá trị nhân bản, nhân văn đã được xã hội thừa nhận.

Ngoài ra, góp phần làm nên sự phong phú, đa dạng cho giọng điệu trần thuật của truyện ngắn Nguyễn Minh Châu còn phải kể đến giọng điệu trần thuật hài hước, dí dỏm mang tính kịch. Sự có mặt của giọng điệu trần thuật này đã góp thêm một nét vẽ làm đầy đặn hơn sự phong phú đa dạng và hấp dẫn trong nghệ thuật trần thuật của truyện ngắn Nguyễn Minh Châu. Kết hợp với các giọng điệu trần thuật khác, nó tạo nên sự đa thanh, nhiều bề, nhiều giọng điệu cho trang truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, đánh dấu một bước trưởng thành trong tư duy nghệ thuật của tác giả.

Xét đến cùng thì truyện ngắn Nguyễn Minh Châu là sự phức hợp đa âm, đa thanh về giọng điệu trần thuật nhưng chất giọng thâm trầm, suy ngẫm triết lý vẫn được xem là giọng chủ âm nổi bật nhất và phù hợp nhất đối với tạng người tạng văn của ông. Đó cũng là chất giọng góp phần đem lại hiệu quả nghệ thuật cao nhất, làm nên sức hấp dẫn riêng của truyện ngắn Nguyễn Minh Châu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tôn Phương Lan (2002), *Phong cách nghệ thuật Nguyễn Minh Châu*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội
2. Nguyễn Trọng Hoàn (2007), *Nguyễn Minh Châu về tác gia và tác phẩm*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội
3. Nguyễn Minh Châu (2006), *Tuyển tập truyện ngắn Nguyễn Minh Châu*, Nxb. Văn học, Hà Nội
4. Nguyễn Minh Châu (2007), *Tác phẩm văn học đạt giải thưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Văn học, Hà Nội

5. Nguyễn Minh Châu (2001), *Nguyễn Minh Châu toàn tập*, tập 2, Nxb. Văn học, Hà Nội

**THE DIVERSITY OF NARRATIVE TONE
USED IN THE SHORT STORIES BY NGUYEN MINH CHAU**

ABSTRACT

Nguyen Minh Chau is a writer with quite a special style. His writing process does not separate the process of thinking about finding a system of diverse tones, suitable for the work. The article is a research direction of the author in understanding the diverse nuances of the narrative tone of the Nguyen Minh Chau short stories. This is also one of the main factors contributing to the writer's impressive narrative style.

Keywords: *Short stories, Nguyen Minh Chau, narrative tone*

(Received: 28/9/2020, Revised: 29/10/2020, Accepted for publication: 8/3/2021)